**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

**NGUYỄN VĂN CHUYÊN**

**CÁC THƯƠNG CẢNG VEN BIỂN BẮC TRUNG BỘ**

**TRONG QUAN HỆ THƯƠNG MẠI KHU VỰC VÀ QUỐC TẾ**

**THẾ KỶ XI-XIX**

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ**

**HÀ NỘI - 2017**

Công trì được hoàn thành tại

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

*Người hướng dẫn khoa học:*

Hướng dẫn 1: TS. Nguyễn Mạnh Dũng

Hướng dẫn 2: PGS. TS Nguyễn Thừa Hỷ

*Giới thiệu 1*:........................................................................................................

........................................................................................................

*Giới thiệu* 2:........................................................................................................

........................................................................................................

*Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội*

*Vào hồi......giờ......ngày......tháng.....năm.......*

Có thể tìm hiểu luận án tại: Thư viện Quốc gia Hà Nội hoặc

Trung tâm Thông tin Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ

LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Nguyễn Văn Chuyên (2013), “Dấu ấn của người phương Tây ở Đàng Ngoài thế kỷ XVII”, *Tạp chí* *Nghiên cứu Đông Nam Á* (4), tr. 29-36.

2. Nguyễn Văn Chuyên (2017), “Những vấn đề cơ bản trong nghiên cứu các thương cảng cổ ven biển Bắc Trung Bộ”, *Tạp chí* *Khảo cổ học* (1), tr.66-72.

3. Nguyễn Văn Chuyên (2017), “Vài nét về hoạt động giao thương ở Hạ Lưu sông Lam thế kỷ X-XIX”, *Tạp chí Khảo cổ học* (3), tr.68-75.

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Lịch sử thương mại thời kỳ trung đại cho thấy, Việt Nam có vị trí, ý nghĩa tích cực trong hệ thống thương mại khu vực Biển Đông. Thương nhân khu vực và quốc tế đã đến Thăng Long, Vân Đồn, Phố Hiến, Hội An... buôn bán. Hoạt động đó tác động đến sự phát triển của các đô thị, thương cảng này. Đó là những đầu mối, có vị trí nhất định, góp phân tạo nên mạng lưới thương mại ở khu vực Biển Đông. Điều đó đã được giới nghiên cứu làm tương đối sáng rõ.

Tư liệu cho thấy rằng, thương nhân khu vực và quốc tế không chỉ đến những đô thị, cảng thị hay thương cảng tiêu biểu nêu trên mà còn đến nhiều địa điểm khác trên lãnh thổ Việt Nam ngày nay, trong đó có khu vực ven biển Bắc Trung Bộ (Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh). Tuy nhiên, điều này chưa được giới nghiên cứu làm sáng tỏ; khoảng trống này cần được bổ sung trong những nghiên cứu sau.

Thực hiện đề tài “*Các thương cảng ven biển Bắc Trung Bộ trong quan hệ thương mại khu vực và quốc tế thế kỷ XI-XIX*”,có những ý nghĩa khoa học và thực tiễn sau:

*Thứ nhất*, bổ sung cho những nghiên cứu về hoạt động giao thương khu vực và quốc tế tại các thương cảng ven biển Bắc Trung Bộ thế kỷ XI-XIX, dựng lại bức tranh kinh tế đối ngoại của những thương cảng này. Qua đó góp phần làm sáng tỏ bức tranh kinh tế trên lãnh thổ Việt Nam trong lịch sử.

*Thứ hai*, thông qua việc làm sáng tỏ lịch sử giao thương khu vưc và quốc tế tại các thương cảng Bắc Trung Bộ giúp cho việc nhận thức về vùng biển này thêm sâu sắc. Kết quả nghiên cứu và những kết luận nêu ra là những luận điểm có giá trị khoa học, đồng thời đó còn là cơ sở khoa học có ý nghĩa cho việc hoạch định chiến lược phát triển các cảng ven biển Bắc Trung Bộ hiện nay cũng như việc nhìn nhận hoạt động của thương nhân quốc tế trên vùng đất này.

*Thứ ba*, kết quả nghiên cứu là một tài liệu hữu ích cho việc giảng dạy và nghiên cứu ngành lịch sử, đặc biệt ở lĩnh vực lịch sử thương mại khu vực Biển Đông. Đồng thời, đây là một tài liệu tham khảo cho việc xây dựng và phát triển hệ thống tư liệu Biển Đông.

Với sự phân tích và lập luận như trên, có thể khẳng định rằng, nghiên cứu các thương cảng ven biển Bắc Trung Bộ trong quan hệ thương mại khu vực và quốc tế thế kỷ XI-XIX là một đề tài có ý nghĩa khoa học và thực tiễn.

2. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

*\* Đối tượng và phạm vi không gian*

Đối tượng nghiên cứu là hoạt động thương mại khu vực và quốc tế tại các thương cảng ven biển Bắc Trung Bộ thế kỷ XI-XIX và tác động của hoạt động này đối với sự ra đời, phát triển của các thương cảng ven biển Bắc Trung Bộ.

*Phạm vi không gian*: Các thương cảng ven biển Bắc Trung Bộ gồm những thương cảng thuộc phạm vi 3 tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh ngày nay.

*- Phạm vi thời gian*: Phạm vi thời gian nghiên cứu luận án được tính từ đầu thế kỷ XI đến cuối thế kỷ XIX. ,

**3. Mục tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu**

***\* Mục tiêu:***

- Làm sáng tỏ cơ sở quan hệ thương mại giữa Bắc Trung Bộ với khu vực và quốc tế.

- Làm sáng tỏ hoạt động của thương nhân khu vực và quốc tế (thương nhân Đông Bắc Á, Nam Á, Tây Á, châu Âu) tại các thương cảng ven biển Bắc Trung Bộ.

- Nhận xét, đánh giá tác động của hoạt động giao thương khu vực và quốc tế đối với sự phát triển của các thương cảng ven biển Bắc Trung Bộ.

***\* Nhiệm vụ*** ***nghiên cứu***

Một là, hệ thống hóa tư liệu về hoạt động giao thương của thương nhân khu vực và quốc tế tại các thương cảng ven biển Bắc Trung Bộ.

Hai là, khảo sát thực tế các hải cảng, nơi các thương cảng đã hình thành và phát triển trong lịch sử.

Ba là, tái hiện hoạt động giao thương khu vực và quốc tế tại các thương cảng ven biển Bắc Trung Bộ.

Bốn là, đánh giá, nhận xét hoạt động giao thương khu vực và quốc tế tại các thương cảng ven biển Bắc Trung Bộ.

4. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

Để đạt được mục tiêu nghiên cứu, đáp ứng yêu cầu chất lượng của một luận án tiến sĩ, tác giả sử dụng nhiều cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu khác nhau.

\* *Cách tiếp cận:* Tiếp cận đa chiều, tiếp cận đa ngành, tiếp cận liên ngành.

\* *Phương pháp nghiên cứu:* Phương pháp lịch đại*,* đồng đại*,* hệ thống cấu trúc*,* liên ngành*,* phân tích*,* thống kê

5. Nguồn tư liệu

Thứ nhất, các cuốn sử của các triều đại phong kiến Việt Nam(quốc sử), những ghi chép của những sử gia tư nhân người Việt; các sử gia, sứ giả người Trung Quốc.

Thứ hai, những ghi chép đương đại của thương nhân, giáo sĩ phương Tây về Đại Việt (Đàng Ngoài,Đàng Trong) thế kỷ XVI-XVIII.

Thứ ba, tư liệu khảo cổ học.

Thứ tư, các công trình khoa học trong nước và quốc tế đã công bố về nhiều lĩnh vực có liên quan đến thương mại khu vực Biển Đông, Nam Trung Quốc, Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam và vùng đất Bắc Trung Bộ.

Thứ năm: Một số tư liệu khác như gia phả, các tác phẩm văn học sử có liên quan.

6. Đóng góp của luận án

Luận án được triển khai thực hiện, có những đóng góp cơ bản sau:

*Thứ nhất*, làm sáng tỏ hoạt động thương mại khu vực và quốc tế tại các thương cảng ven biển Bắc Trung Bộ thế kỷ XI-XIX.

*Thứ hai*, chỉ ra mối quan hệ giữa các yếu tố ngoại sinh với các yếu tố tự nhiên, nội sinh trong sự hình thành, phát triển của các thương cảng Bắc Trung Bộ.

*Thứ ba*, công trình là tài liệu tham khảo tốt cho sinh viên, học viên cao học và những người nghiên cứu về thương mại, cảng thị, lịch sử Việt Nam, lịch sử khu vực nói chung, vùng Bắc Trung bộ nói riêng.

7. Bố cục của luận án

Ngoài phần mở đầu, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục, luận án gồm 4 chương.

*Chương 1*: Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan tới đề tài luận án.

*Chương 2*: Cơ sở quan hệ thương mại giữa Bắc Trung Bộ với khu vực và quốc tế thế kỷ XI-XIX.

*Chương 3*: Hoạt động thương mại khu vực và quốc tế tại các thương cảng ven biển Bắc Trung Bộ thế kỷ XI-XIX.

*Chương 4*: Nhận xét, đánh giá về hoạt động thương mại khu vực và quốc tế tại các thương cảng ven biển Bắc Trung Bộ thế kỷ XI-XIX.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. Giai đoạn cuối thế kỷ XIX nửa đầu thế kỷ XX

Cùng với sự phát triển của các ngành khoa học xã hội và nhân văn, ngành khoa học lịch sử ở châu Âu cũng có bước phát triển và lan tỏa tới nhiều khu vực. Khoa học lịch sử theo hướng hiện đại đã theo chân người Pháp truyền sang Việt Nam. Họ đã có không ít công trình nghiên cứu tổng thể lịch sử Việt Nam nói chung và những công trình mang tính địa phương nói riêng, trong đó vùng đất Bắc Trung Bộ cũng được chú ý.

Cuối thế kỷ XIX, Dumoutier dựa trên các bản đồ, sơ đồ các cảng cổ đã biên soạn công trình “Portulan annamite du XV siècle” (các cảng biển Việt Nam trong thế kỷ 15), xuất bản năm 1896.

Bài viết “*Những cái gương đồng”* năm 1933 (4) của tác giả J.H.Peyssonnaux đề cập đến quan hệ thương mại giữa Nhật Bản với vùng Bắc Trung Bộ.

Trong phạm vi Bắc Trung Bộ, các nhà khảo cổ học phương Tây có phát hiện quan trọng ở Lạch Trường qua cuộc khai quật những mộ Hán của O.Janse vào những năm 1930. Tuy nhiên, đây là di chỉ khảo cổ học thuộc nền Văn hóa Đông Sơn.

Đầu thế kỷ XX, không chỉ có nhà khoa học người Pháp mà còn có một số tác giả người Việt, nổi bật trong số đó là tác giả Lê Dư. Trong hai số *Nam phong tạp chí*số 54 (tháng 12/ 1921, Hán văn) và 56 (tháng 2/ 1922), Lê Dư lần lượt giới thiệu 35 bức thư trao đổi giữa chúa Trịnh, chúa Nguyễn và Mạc phủ Tokugawa.

Ngoài Lê Dư, tác giả Đào Duy Anh, một nhà sử học lớn thuộc thế hệ đầu tiên của nền sử học hiện đại Việt Nam đã hoàn thành cuốn *Việt Nam văn hóa sử cương* năm 1938. Trong tác phẩm, một số bài viết về một số ngành kinh tế, quan hệ mậu dịch giữa Việt Nam với khu vực và quốc tế.

 Khi cuộc Chiến tranh Thế giới thứ nhất bước vào giai đoạn cuối và Việt Nam giành được độc lập dân tộc (1945), giới nghiên cứu quốc tế và trong nước chú ý tới các vấn để chính trị, thời sự, vì vậy các nghiên cứu về thương mại không được quan tâm và thời điểm này được xem là thời điểm kết thúc giai đoạn nghiên cứu thứ nhất.

**1.2. Giai đoạn từ nửa sau thế kỷ XX đến nay**

***1.2.1. Những nghiên cứu thương mại khu vực Biển Đông***

Nghiên cứu về thương mại Biển Đông được phản ánh sớm nhất trong tác phẩm *The Namhai trade: the early history of Chinese trade in the South China sea* (Thương mại Nam hải: Lịch sử thương mại của người Hoa thời kỳ sớm ở biển Nam Trung Hoa) của Wang Gungwu (người Úc, gốc Hoa), viết năm 1958. Viết về thương mại cũng như ảnh hưởng của nó đối với sự phát triển của Đông Nam Á (khu vực Biển Đông) không thể không nhắc tới tác giả [Kenneth R Hall](https://www.google.com.vn/search?q=maritime+trade+and+state+development+in+early+southeast+asia+kenneth+r+hall&stick=H4sIAAAAAAAAAOPgE-LRT9c3NCqLr0gxqihU4tLP1TcwrUxKrirXkslOttJPys_P1i8vyiwpSc2LL88vyrZKLC3JyC8CAOOyY3I6AAAA&sa=X&ved=0ahUKEwjgq4WV3pHWAhUlT48KHQOkAHQQmxMIfigBMA4) (người Mỹ) với tác phẩm [*Maritime Trade and State Development in Early Southeast Asia*](https://www.google.com.vn/url?sa=t&rct=j&q=&esrc=s&source=web&cd=4&cad=rja&uact=8&ved=0ahUKEwjgq4WV3pHWAhUlT48KHQOkAHQQFgg1MAM&url=https%3A%2F%2Fbooks.google.com%2Fbooks%2Fabout%2FMaritime_Trade_and_State_Development_in.html%3Fid%3Dl6S7QgAACAAJ&usg=AFQjCNG5BBsFd5QN9WZNW0jgDeVWefGU0Q) (Hải thương và phát triển nhà nước ở Đông Nam Á thời kỳ sớm)xuất bản năm 1985; và như lời tác giả, dựa trên những nội dung cốt lõi của công trình nghiên cứu này, ông viết tiếp cuốn *A history of Early Southeast Asia:* [*Maritime Trade and Societal Development, 100-1500*](https://www.google.com.vn/url?sa=t&rct=j&q=&esrc=s&source=web&cd=4&cad=rja&uact=8&ved=0ahUKEwjgq4WV3pHWAhUlT48KHQOkAHQQFgg1MAM&url=https%3A%2F%2Fbooks.google.com%2Fbooks%2Fabout%2FMaritime_Trade_and_State_Development_in.html%3Fid%3Dl6S7QgAACAAJ&usg=AFQjCNG5BBsFd5QN9WZNW0jgDeVWefGU0Q)(Lịch sử Đông Nam Á tảo kỳ: Hải thương và phát triển xã hội, 100-1500) xuất bản năm 2010.

Nghiên cứu về thương mại ở khu vực Biển Đông còn có nhiều công trình khác, tiêu biểu là tác phẩm *Southeast Asia in age of commerce 1450-1680* (Châu Á trong kỷ nguyên thương mại 1450-1680) của Anthony Reid (1998). Sau đó, tác giả Geoff Wade sự bổ sung về thời kỳ thương mại ở Châu Á là bài viết “*An early age of commerce in Southeast Asia, 900-1300*” (Kỷ nguyên thương mại sớm ở Đông Nam Á 900-1300) năm 2009.

Nghiên cứu thương mại và cảng thị Đông Nam Á, các học giả Nhật Bản có đóng góp tích cực. Người Nhật công bố một số bài viết có tiếng vang, tiêu biểu như: “*Vai trò của các cảng thị vùng ven biển Đông Nam Á từ đầu thế kỷ thứ II TCN đến đầu thế kỷ XIX”* *(*1991) của tác Shigeru Ikuta; “*Thử phác hoạ cấu trúc lịch sử Đông Nam Á”* (1996) của Sakurai Yumio; “*Đại Việt và thương mại ở Biển Đông từ thế kỷ X đến thế kỷ XV*” của Momoki Shiro.

Bên cạnh một số nghiên cứu trên không gian rộng còn có những nghiên cứu cụ thể hơn về vị trí của Việt Nam trong hệ thống giao thương khu vực. Điều đó được thể hiện qua một số bài viết tiêu biểu như: “*The Rise of the Coast: Trade, State and Culture in Early Đại Việt”* (Sự nổi lên ven biển: thương mại, nhà nước và văn hóa Đại Việt giai đoạn sớm) của John K. Whitmore năm 2006; “*Vị trí thương mại của Việt Nam trong hệ thống thương mại biển Đông thời cổ trung đại”* của Hoàng Anh Tuấn (năm 2008); “*Vùng Đông bắc Việt Nam trong tuyến hải trình Đông Nam Á thế kỷ VIII-XVIII*” của Nguyễn Mạnh Dũng (năm 2009); “*Biển Đông - Muôn ngả đường tiếp xúc, giao lưu văn hóa của Việt Nam*” của tác giả Nguyễn Hải Kế (năm 2012). Về lĩnh vực thương mại liên quan tới Đại Việt còn có những công trình tập thể, tập hợp nhiều bài viết. Năm 2011, tác phẩm *Người Việt với biển* (tác giả Nguyễn Văn Kim chủ biên) ra đời là một đóng góp quan trọng trên lĩnh vực nghiên cứu, làm sáng tỏ nhiều vấn đề về thực tế nhận thức và quá trình chinh phục, khai thác biển của người Việt.

Hoạt động thương mại quốc tế ở Biển Đông còn được đề trong nhiều công trình nghiên cứu về Đông Nam Á, người Hoa, người Ấn, người Hồi giáo ở khu vực này.

Viết về lịch sử Đông Nam Á có một số công trình tiêu biểu như,  *A History of South-East Asia* (Lịch sử Đông Nam Á) của Daniel George Edward Hall (người Anh), xuất bản năm 1955; và tác phẩm *Lịch sử Đông Nam Á,* do Lương Ninh (chủ biên), xuất bản năm 2008. Đây được xem là những công toàn diện nhất về lịch sử Đông Nam Á, trong đó có đề cập tới mối quan hệ thương mại khu vực và quốc tế tại Đông Nam Á.

Như vậy, những nghiên cứu thương mại khu vực và quốc tế tại Biển Đông đạt được nhiều kết quả to lớn. Điều đó được biểu hiện trong các nghiên cứu hệ thống, khái quát về mối quan hệ thương mại giữa Trung Quốc với Ấn Độ; Trung Quốc với Đông Nam Á; Tây Á với các nước Đông Nam Á và Trung Quốc; Nhật Bản với Đông Nam Á; châu Âu với Đông Nam Á, Đông Bắc Á; và những nghiên cứu trường hợp riêng biệt giữa các quốc gia, khu vực nói trên với từng quốc gia ở Đông Nam Á, hay giữa các quốc gia Đông Nam Á với nhau.

*1.2.2. Những nghiên cứu về quan hệ thương mại của Bắc Trung Bộ*

Nghiên cứu thương mại khu vực và quốc tế tại Bắc Trunng Bộ được gắn liền với việc nghiên cứu các thương cảng cổ. Nghiên cứu các thương cảng cổ ven biển Bắc Trung Bộ được bắt đầu năm 1976, tại Đền Huyện.

 Năm 1985, Viện Bảo tàng Lịch sử kết hợp với Bảo tàng Hà Tĩnh nghiên cứu điền dã, kết hợp với đào thám sát tại cảng Kỳ Hoa (Cửa Khẩu). Kết quả đó được Phạm Quốc Quân và Bùi Văn Tuyên phản ánh lại qua bài viết “*Ghi chép khảo cổ học ở một vùng cửa sông huyện Kỳ Anh (Hà Tĩnh)”*, đăng trên tạp chí *Khảo cổ học* số 4/1986.

Sau ngày Việt Nam “mở cửa”, từ thập niên 90 thế kỷ XX, việc nghiên cứu lịch sử thương mại nói chung và các thương cảng cổ nói riêng trở lên sôi động. Năm 1990, hai tác giả của Viện Khảo cổ học Việt Nam là Tống Trung Tín và Phạm Như Hồ tiếp tục nghiên cứu một số di tích, di chỉ khảo cổ học lịch sử ở Nghệ Tĩnh. Kết quả của đợt nghiên cứu được thể hiện qua *Báo cáo điều tra, thám sát, khai quật một số di tích, di chỉ khảo cổ học lịch sử ở Nghệ Tĩnh* *(năm 1990)* (40 trang giấy).

Cùng với đó, trên địa bàn Hà Tĩnh, đặc biệt là cảng Kỳ Ninh tiếp tục thu hút sự quan tâm của nhà nghiên cứu khác. Tác giả Phạm Quốc Quân có bài viết “*Tầng Cồn Sành (Nghệ Tĩnh) và một số vấn đề về gốm hoa lam*”, đăng trên Tạp chí *Khảo cổ học* năm 1991. Cũng trong năm 1991, nhà nghiên cứu Trịnh Cao Tưởng có bài viết “*Mở đầu việc nghiên cứu thương cảng cổ Việt Nam trong lịch sử trên phương diện Khảo cổ học”*, đăng trênTạp chí *Khảo cổ học*, số 4/1991.

 Bên cạnh các địa điểm kể trên, Triều Khẩu, Phù Thạch là hai địa điểm ở hạ lưu sông Lam được tác giả Trần Bá Chí quan tâm nghiên cứu. Năm 1992, ông có bài viết đầu tiênvới tiêu đề *“Khảo tả về khu phố cổ Phù Thạch”.* Mặc dù bài viết có dung lượng không lớn (2 trang) nhưng đã chỉ ra sự hình thành và phát triển của phố cổ Phù Thạch. Năm 1998, trong Thông báo Hán Nôm học, tác giả có bài viết “*Tài liệu Hán Nhật Bản về buôn bán với Đại Việt thế kỷ XVI-XVIII*”,trong đó đề cập tới thương nhân Nhật Bản mở phố buôn tại chợ Tràng - Nghệ An thế kỷ XVI - XVIII.

Năm 2002, đoàn nghiên cứu của Viện Khảo cổ học, do nhà Khảo cổ học Trinh Cao Tưởng đứng đầu có nhiều nỗ lực nghiên cứu các thương cảng. Kết quả đó được thể hiện trong đề tài cấp ủy ban khoa học xã hội Việt Nam, mang tên : “*Nghiên cứu Khảo cổ học một số thương cảng cổ vùng biển miền Bắc Việt Nam từ thế kỷ IX đến thế kỷ XVII*”. Đây được coi là công trình nghiên cứu tiêu biểu, khái quát được hầu hết các nghiên cứu khảo cổ học trước đó. Tuy nhiên, đây chưa phải là công trình nghiên cứu toàn diện và phản ánh đầy đủ hoạt động giao thương ở đây như thực tế đã diễn ra mà những nghiên cứu sau đó đã chỉ ra.

Hòa cùng với những nghiên cứu khảo cổ học còn có những nghiên cứu mang tính chất tổng hợp về vùng đất Bắc Trung Bộ. Ở nhóm các công trình này, tác giả Trần Quốc Vượng là những người đi đầu. Điều đó được phản ánh qua một số bài viết tiêu biểu: “*Xứ Thanh vài nét về lịch sử văn hóa*” (1994); “*Một cái nhìn địa văn hóa về xứ Nghệ trong bối cảnh miền Trung*” (1995); “*Về một nền văn hóa cảng thị ở miền Trung*” (1995). Các bài viết trên không chỉ làm rõ đặc điểm tự nhiên, sinh thái văn hóa, đặc trưng của vùng mà còn chỉ ra tên gọi, vị trí, đặc điểm của những cảng thị thuộc miền Trung nói chung, Bắc Trung Bộ nói riêng.

Nghiên cứu vị trí của miền Trung Việt Nam trong hệ thống giao thương quốc tế nổi bật nhất là bài viết “*A view from the sea: Perspectives in the Northern and Central Vietnamese coast*” (Một cách nhìn từ biển - Bối cảnh vùng duyên hải miền Bắc và Trung Việt Nam) của tác giả Li Tana, đăng trên tạp chí [*Journal of Southeast Asian Studies*](http://journals.cambridge.org/action/displayJournal?jid=SEA)  (Tạp chí nghiên cứu Đông Nam Á của Đại học quốc gia Australia) năm 2006.

Năm 2012, tác giả Nguyễn Văn Kim có bài viết “*Các thương cảng vùng Nghệ - Tĩnh và giao thương khu vực thế kỷ XI-XIV”* đăng trên Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*. Trong bài viết, tác giả phân tích các yếu tố địa chính trị, nguồn tài nguyên, thương phẩm, các tuyến giao thương nội vùng và liên vùng của các thương cảng vùng Nghệ - Tĩnh thế kỷ XI-XIV; bài viết cũng giải quyết những vấn lý luận và thực tiễn, khẳng định vị trí vai trò của các thương cảng vùng Nghệ - Tĩnh đối với trong nước và khu vực.

Năm 2016, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội phối hợp với Hội khoa học Lịch sử Việt Nam tổ chức chức hội thảo khoa học *Biển và lục địa - vai trò và mạng lưới giao lưu ở lưu vực các dòng sông miền Trung.* Tháng 7 năm 2017, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội phối hợp với ủy ban nhân dân thành phố Hội An tổ chức hội thảo khoa học “*Hệ thống thương cảng miền Trung với con đường tơ lụa trên biển - Vai trò và các mối quan hệ*”. Hai cuộc hội thảo này góp phần làm rõ vị trí của vùng đất Bắc Trung Bộ nói riêng, miền Trung nói chung trên hệ thống giao thương quốc tế.

Kết quả nghiên cứu trên phản ánh nỗ lực của nhiều cá nhân và tập thể các nhà khoa học. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu cho thấy nhiều khía cạnh chưa được làm sáng tỏ. Chưa có một nghiên cứu toàn diện, cụ thể, sâu sắc về hoạt động giao thương đối ngoại và chưa làm rõ tác động của thương nhân quốc tế đối với việc hình thành các thương cảng ven biển Bắc Trung Bộ. Những thiếu khuyết trên để lại những khoảng trống trong nghiên cứu và cần

được bổ sung. **Chương 2**

CƠ SỞ QUAN HỆ THƯƠNG MẠI KHU VỰC VÀ QUỐC TẾ

TẠI CÁC THƯƠNG CẢNG BẮC TRUNG BỘ THẾ KỶ XI - XIX

2.1. Hệ thống giao thương ở khu vực Biển Đông

Biển Đông là một phần của Thái Bình Dương, nằm trong vùng nước ấm, cho phép tàu thuyền đi lại quanh năm; đồng thời nằm trong khu vực châu Á gió mùa, kết nối bằng đường biển với Ấn Độ Dương (qua eo biển Malacca và Sunda), với Đông Bắc Á, Châu Mỹ, châu Đại Dương (qua Thái Bình Dương). Nhờ đó, hoạt động giao thương khu vực Biển Đông diễn ra liên tục, rộng mở, xuyên suốt qua các thời kỳ lịch sử. Các đường biển là những siêu xa lộ và đây cũng là tuyến đường ngắn nhất giữ nhiều quốc gia Đông Bắc Á và Đông Nam Á. Biển cũng là con đường ưu việt nhất kết nối khu vực này với thế giới bên ngoài như với Nam Á (Ấn Độ) và Tây Á hay xa hơn về phía tây. Hoạt động giao thương ở khu vực Biển Đông đã kết nối với vùng đất Bắc Trung Bộ.

2.2. Vị trí địa chiến lược của Bắc Trung Bộ trong khu vực và quốc tế

Bắc Trung Bộ là một bộ phận của bán đảo Đông Dương, kết nối với con đường giao thương theo hải trình bắc - nam, đó cũng là sự kết nối với con đường tơ lụa trên biển đã được thiết lập từ thế kỷ thứ IX. Dựa trên hoạt động của gió mùa đông bắc và tây nam, Bắc Trung Bộ có điều kiện thuận lợi để thương thuyền từ các nước phía đông bắc, đông, đông nam cập bến, đồng thời đưa các thương thuyền từ đây theo các hướng đến các địa điểm khác. Như vậy, tuyến giao thương đường biển đi qua khu vực Bắc Trung Bộ gồm cả hai con đường giao thương bắc - nam có tính chất ven bờ và con đường ngoài khơi, kết nối với Đông Bắc Á, có tính chất hải dương rõ nét. Ngoài ra Bắc Trung Bộ còn là cửa ngõ của các quốc gia Đông Nam Á lục địa phía tây nam.

2.3. Tài nguyên thương mại khu vực Bắc Trung Bộ

Bắc Trung Bộ là vùng đất giàu có về tài nguyên lâm thổ sản, trong đó hương liệu (như quế, trầm hương, sạn hương, nhân sâm, hồ tiêu…) là những thương phẩm có giá trị cao trên thị trường quốc tế. Bên cạnh đó, tiểu vùng này còn có nhiều mặt hàng thủ công tạo điều kiện cho hoạt động thương mại. Đó là một cơ sở để thu hút thương nhân bên ngoài đến mua bán, đồng thời tạo cơ sở hàng hóa cho cư dân trong vùng trao đổi buôn bán.

**2.4. Điều kiện giao thương ven biển Bắc Trung Bộ**

Điều kiện giao thương ven biển Bắc Trung Bộ trong mối quan hệ với khu vực và quốc tế được thể hiện ở hệ thống các đảo ven bờ, vũng vịnh, cửa cửa biển (Cửa biển đồng thời là cửa sông, nhiều cửa sông còn được gọi là cửa lạch đối với những con sông nhỏ) và mạng lưới sông (sông, lạch, kênh) trong vùng. Từ biển vào, một số đảo đóng vai trò là tiêu điểm định hướng cho tàu thuyền qua lại, từ bắc xuống nam có các đảo chính như Hòn Nẹ trước cửa Lạch Trường, Đảo Ngư trước cửa Hội Thống; những đảo tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động giao thương thường. Tiếp đó, những vũng, vịnh vùng cửa sông hoặc lùi vào phía nội địa ở hạ lưu các con sông trở thành điều kiện tự nhiên cho tàu thuyền neo đậu trên hải trình ven bờ hoặc và viễn dương.

Chương 3

HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI KHU VỰC VÀ QUỐC TẾ TẠI CÁC THƯƠNG CẢNG VEN BIỂN BẮC TRUNG BỘ THẾ KỶ XI - XIX

3.1. Hoạt động thương mại khu vực và quốc tế tại Lạch Trường

Hoạt động thương mại khu vực và quốc tế đã diễn ra tại Lạch Trường. Tàu thuyền từ biển vào có thể neo đậu trong vùng vịnh và theo lạch đi vào sâu trong nội địa. Những dấu tích khảo cổ học cho thấy, cảng thị này đã hình thành từ thời Hán. Trong kỷ nghiên thương mại sớm và kỷ nguyên thương mại, Lạch Trường là một trung tâm hành chính quan trọng của Hậu Lộc và phủ Hà Trung do đó hoạt động giao thương cũng diễn ra tương đối thường xuyên; những di vật gốm sứ Trung Quốc và Việt Nam qua các thời kỳ đã cho thấy quan hệ thương mại của thương cảng này khá rộng mở. Hoạt động giao thương ở Lạch Trường có dấu hiệu suy thoái cuối thế kỷ XIX.

**3.2. Hoạt động thương mại khu vực và quốc tế tại Hội Triều**

Sau khi nhà Lê Sơ thành lập, Hội Triều đóng vai trò là một cửa ngõ giao thương quốc tế. Đến đầu thế kỷ XIX, Hội Triều vẫn một cửa biển quan trọng được sử sách chú ý. Hoạt động giao thương ở đây vẫn diễn ra thường xuyên theo các tuyến thương mại ngược xuôi ra bắc vào nam.

3.3. Hoạt động thương mại khu vực và quốc tế tại Cửa Bạng - Biện Sơn

Cửa Bạng và Biện Sơn là hai địa điểm gần nhau, có mối quan hệ tương hỗ. Cửa Bạng, còn gọi cửa biển Du Xuyên, nay thuộc huyện Tĩnh Gia (Thanh Hóa). Từ Cửa Bạng chếch về hướng nam, cách 4 km sẽ gặp quần đảo Biện Sơn (sau cách mạng tháng 8/1945 đổi thành Nghi Sơn). Do có điều kiện thuận lợi, Lạch Bạng - Biện Sơ là thương cảng tiêu biểu ở Thanh Hóa thế kỷ XVI-XVIII. Việc tìm thấy khối lớn tiền mậu dịch Việt Nam thế kỷ XVII-XVIII ở Thanh Hóa, cùng với các bằng chứng đã nêu cho thấy Lạch Bạng, đặc biệt là Biện Sơn phát triển thành thương cảng trung chuyển trong khu vực và có tính chất quốc tế rõ nét.

3.4. Hoạt động thương mại khu vực và quốc tế tại Cửa Cờn

Thế kỷ XV, Cửa Cờn đóng vai trò cửa ngõ đối ngoại, triều đình nhà Lê quy định đây là nơi dừng chân cho người ngoại quốc. Sang thế kỷ XVII, đầu năm 1629, Cửa Cờn kết nối giữa Ma Cao với Đàng Ngoài. Đến thế kỷ XVIII-XIX, do sự suy giảm chung của thương mại khu vực, hoạt động giao thương đối ngoại của Cửa Cờn khá hạn chế. Tuy nhiên, Hoa thương vẫn có mặt ở đây. Nay bờ biển đã lùi xa hơn 3 km, nhưng dấu tích còn để lại qua cá di vật khảo cổ học, người dân ở đây vớt được nhiều đồng tiển cổ Việt Nam và Trung Quốc, chứng tổ rằng từ xưa đã có sự giao lưu buôn bán quốc tế tại đây.

3.5. Hoạt động thương mại khu vực và quốc tế tại Hội Thống - Đền Huyện

Hội Thống và Đền Huyện là hai địa điểm nằm ở hạ lưu sông Lam - dòng sông lớn nhất Bắc Trung Bộ. Nằm trên cửa ngõ của sông Lam, tiếp giáp với Biển Đông, Hội Thống và Đền Huyện đã trở thành những thương cảng lớn phát triển qua nhiều thế kỷ. Thương cảng Hội Thống và Đền Huyện có mối quan hệ bổ trợ, qua lại. Từ biển vào, thương thuyền có thể tập trung ở Hội Thống trước khi xâm nhập vào Đền Huyện và từ trong ra, tàu thuyền có thể tập kết ở Đền Huyện trước khi ra Hội Thống rồi ngược xuôi theo các tuyến giao thương. Hoạt động giao thương khu vực và quốc tế diễn ra ở Hội Thống và Đền Huyện qua nhiều thế kỷ, thịnh đạt nhất trong khoảng thế kỷ XV. Những nghiên cứu bước đầu cho thấy Đền Huyện là một trung tâm buôn bán lớn, có tính chất quốc tế nổi bật của Đại Việt. Kết quả nghiên cứu khảo cổ đã xác định được di chỉ Đền Huyện là một bến cảng lớn được thành lập từ thời Lý, cảng sông này phát triển liên tục từ thế kỷ IX-X đến thế kỷ XIX.

3.6. Hoạt động thương mại khu vực và quốc tế tại Triều Khẩu - Phù Thạch

Triều Khẩu và Phù Thạch là hai thương cảng nằm gần nhau, có cùng một điều kiện tự nhiên, gắn với sông Lam. Triều Khẩu nằm ở bờ phía bắc sông Lam, trên địa bàn xã Hưng Khánh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An ngày nay. Phù Thạch nằm ở bờ phía nam sông Lam, trên đất làng Vĩnh Đại, xã Đức Vịnh, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh. Hai địa điểm này hiện nay cách cửa biển khoảng 25km. Không gian sinh thành của Triều Khẩu, Phù Thạch gắn bó mật thiết với yếu tố địa chính trị. Từ cuối đời Trần, qua đời Lê, đến đầu thời Tây Sơn, lỵ sở Nghệ An đặt tại núi Lam Thành (vì ở đây có rú Thành và sông Lam) trong gần 400 năm, từ năm 1428 đầu triều Lê Sơ cho đến năm 1801cuối đời Tây Sơn. Cả hai địa điểm Triều Khẩu và Phù Thạch đều gắn với vị trí trung tâm chính trị, kinh tế - xã hội của vùng, đồng thời gắn với dòng sông Lam- con đường giao thương kết nối rộng rãi với nhiều vùng đất và gần với Biển Đông gắn với các tuyến giao thương khu vực, quốc tế đã tạo điều kiện cho nơi đây trở thành những thương cảng sầm uất một thời, trong đó có sự đóng góp quan trọng của thương nhân quốc tế.

3.7. Hoạt động giao thương khu vực và quốc tế tại Cửa Sót

*Cửa Sót* là cửa sông Nghèn (Hà Hoàng), nay thuộc địa bàn xã Thạch Kim, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh. Bằng chứng về hoạt động giao thương ở Cửa Sót thời Trần được khẳng định thông qua việc phát hiện nhiều cổ vật cùng thời tại đây. Qua việc thu thập, Trung tâm văn hóa thể thao huyện Thạch Hà cũng đã giữ được một bộ sưu tập nhỏ gốm Việt Nam và gốm Trung Quốc thế kỷ XIV. Những đồ gốm này đều được đào ở độ sâu từ 1m5-2m và phân bố khắp nơi trong làng, có đồ gốm của cả Việt Nam và Trung Quốc thuộc nhiều thời đại khác nhau.*“*Không nghi ngờ gì nữa, vùng Đại Lộc, Thiên Lộc, tức khu vực Cửa Sót một thời đã là cửa càng sầm uất tàu thuyền. Cửa Sót là một thương cảng phát triển liên tục qua nhiều thế kỷ. Đây cũng là một thương cảng có mối quan hệ rộng mở với bên ngoài, là điểm thương nhân người Hoa thường xuyên lui tới.

**3.8. Hoạt động giao thương khu vực và quốc tế tại Kỳ La (Nhượng Bạn)**

Kỳ La là tên gọi trước đây của cửa Nhượng (cửa Nhượng nay thuộc xã Nhượng Bạn, huyện Cẩm Xuyên). Các ghi chép cho thấy, cửa biển Kỳ La là cửa biển khá sôi động trong lịch sử, nhiều sự kiện đã diễn ra tại cửa biển này. Vị trí của cửa Kỳ La rất quan trọng. Các cuộc giao tranh của Đại Việt với Chăm đã biến Kỳ La đóng vai trò kép vừa là quân cảng vừa là thương cảng. Thời Lê Sơ nơi đây trở thành bến cảng đông đúc. Tương truyền Kỳ La là một làng cổ của người Hoa đến đây buôn bán được nhà Lê cho định cư.

**3.9. Hoạt động thương mại khu vực và quốc tế tại Kỳ Hoa**

Thương cảng Kỳ Hoa là tên gọi tắt của “Kỳ Hoa hải khẩu”, ngoài ra còn có tên là Cửa Khẩu, ngày nay nằm ở cửa sông Vịnh, xã Kỳ Ninh, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. Thương cảng Kỳ Hoa là tên gọi chung của ba địa điểm bao gồm: Bàn Hải dưới chân núi Độ, Khe Trong nằm ở phía bắc dưới chân núi Cao Vọng, nhưng lớn và hưng thịnh nhất là cảng chính Kỳ Hoa nằm ở phía nam chân núi Cao Vọng. Thơ ca dân gian có câu “*núi Cao Vọng, bến Kỳ Hoa”* xác nhận vị trí của thương cảng này.Trong lịch sử, Kỳ Hoa là cửa biển quan trọng ở phía nam Đại Việt, phía bắc Champa. Với tinh thần khai mở của thời Trần, thế kỷ XIV Cửa Khẩu có bước phát triển mới. Sự phát triển của Kỳ Hoa Hải Khẩu gắn với không gian, tuyến buôn bán rộng mở của thương cảng này. Từ Cửa Khẩu đi theo hướng tây các thương nhân có thể vượt qua dãy Trường Sơn tới khu vực được người Trung Quốc gọi là Lục Chân Lạp, rồi qua vùng Nam Lào, bắc Campuchia, xuôi theo sông Mekong đến Angkor tiến ra biển; còn nếu đi về hướng đông, tức tiến ra biển sẽ tới Hải Nam, Phúc Kiến và Quảng Đông; ngoài ra, cảng Kỳ Hoa - nằm ở vị trí chiến lược của Miền trung Việt Nam, còn đóng vai trò cầu nối giữa Trung Hoa và Chân Lạp.

Chương 4

NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI KHU VỰC VÀ QUỐC TẾ TẠI CÁC THƯƠNG CẢNG BẮC TRUNG BỘ THẾ KỶ XI - XIX

4.1. Các tuyến giao thương, thương nhân và thương phẩm

Trong hệ thống giao thương khu vực và quốc tế, các thương cảng Bắc Trung Bộ đóng vai trò như một tập hợp trong hệ thống. Sở dĩ có thể coi các thương cảng này là một tập hợp bởi lẽ chúng nằm trên một không gian địa lý tự nhiên tương đối thuần nhất, tách biệt tương đối với các khu vực khác (Bắc Bộ và Trung Trung Bộ) và được kết nối với nhau bởi tuyến giao thương nội thủy. Nhóm cảng này nằm trên tuyến giao thương khu vực và quốc tế. Điều đó được phản ánh trong mối quan hệ giữa Nam Trung Quốc, Nhật Bản, Bắc Bộ, Một số quốc gia Đông Nam Á lục địa phía tây nam, Nam Trung Bộ với Bắc Trung Bộ. Mỗi tuyến giao thương có khoảng cách xa gần khác nhau, gắn với vai trò của các nhóm thương nhân, nguồn thương phẩm. Các tuyến giao thương khu vực và quốc tế với các thương cảng Bắc Trung Bộ được duy trì chủ yếu bởi hệ thống thương nhân khu vực và quốc tế và được phản ánh trên những tuyến đường dài. Ở một số tuyến thương mại nội địa kết nối Bắc Bộ - Bắc Trung Bộ - Trung Trung bộ thì người Việt đóng vai trò quan trọng. Điều này có thể xuất phát từ thực tế thương nhân người Việt ít có điều kiện phương tiện để đi ở những hải trình xa. Các tuyến giao thương kết nối các tiểu vùng với nhau đã được hòa lẫn vào các tuyến giao thương khu vực và quốc tế.

**4.2. Đặc điểm hoạt động giao thương tại Bắc Trung Bộ**

*Thứ nhất, giao thương khu vực và quốc tế tại Bắc Trung Bộ mang đặc điểm của vùng duyên hải, có môi trường cạnh tranh tương đối tự do*. Không gian cạnh tranh tự do Bắc Trung Bộ đã thu hút nhiều thương ngoại quốc đến khu vực này buôn bán. .Trong các tuyến hải trình bắc - nam, nhiều thương thuyền quốc tế đã ghé qua của thương nhân quốc tế. Họ dừng chân để tiếp nước, thực phẩm hoặc để tránh bão v.v.. trước khi đi đến những trung tâm thương mại lớn như Thăng Long, Phố Hiến ở Đàng Ngoài hay Hội An ở Đàng Trong.

*Thứ hai, hoạt động giao thương khu vực và quốc tế tại các thương cảng Bắc Trung Bộ đóng vai trò kép, vừa là đầu mối trên các tuyến giao thương, vừa đóng vai trò trung chuyển trung gian*. Tính chất đầu mối được thể hiện, các thương cảng này là điểm đến trực tiếp của thương nhân quốc tế. Người Hoa, người Nhật, thương nhân phương Tây mang hàng hóa đến trao đổi, đồng thời thu mua sản vật địa phương. Hơn nữa, trên tiểu vùng này đã có cộng đồng người Hoa, người Nhật sinh sống, tiêu biểu như ở Phù Thạch, Triều Khẩu. Tuy nhiên, trong hệ thống thương mại khu vực và quốc tế, do không phải là thị trường tiêu thụ chính, cũng như không phải là trung tâm sản xuất, nên các thương cảng Bắc Trung Bộ đóng vai trò trung chuyển trung gian rất điển hình.

**4.3. Tác động của giao thương khu vực và quốc tế tới các thương cảng Bắc Trung Bộ**

Hoạt động giao thương khu vực và quốc tế tại các thương cảng ven biển Bắc Trung Bộ đã tác động đến nhiều khía cạnh của các thương cảng này: thúc đẩy sự ra đời, phát triển; đồng thời tác động đến tính chất, vị trí, vai trò của các thương cảng này. Hoạt động giao thương quốc tế đã tác động đến sự ra đời, phát triển của các thương cảng. Thế kỷ XVII-XVIII, Lạch Bạng- Biện Sơn trở thành cụm cảng có quy mô khá lớn.Cũng trong giai đoạn thế kỷ XVI-XVIII, các thương cảng ở Hạ lưu sông Lam (Hội Thống, Đền Huyện, Triều Khẩu, Phù Thạch), do là điểm đến trực tiếp của thương thuyền Nhật Bản và sự tăng cường hiện diện của Hoa thương, đã dẫn đến sự ra đời và phát triển của Triều Khẩu và Phù Thạch, tạo thành một tiểu hệ thống thương cảng ở hạ lưu sông Lam. Hoạt động của thương nhân quốc đã mở rộng các tuyến giao thương, tạo nên sức sống của các thương cảng.

KẾT LUẬN

1. Biển Đông là vùng biển ấm và có mối liên hệ rộng mở với bên ngoài thông qua các tuyến giao thương ngắn dài khác nhau. Các tuyến giao thương đó đã kết nối các khu vực Đông Bắc Á, Đông Nam Á, Nam Á từ thời cổ đại. Sau các phát kiến địa lý lớn cuối thế kỷ XV đầu thế kỷ XVI, các tuyến giao thương xuyên Đại dương hình thành, tạo ra một hệ thống giao thương mới, năng động rộng mở hơn ở khu vực Biển Đông. Lúc này Biển Đông đã kết nối không chỉ với Ấn Độ Dương mà còn với cả Đại Tây Dương. Nhờ có điều kiện thuận lợi, hoạt động giao thương ở khu vực Biển Đông đã diễn ra thường xuyên qua các thời kỳ lịch sử.

Là một phần của bán đảo Đông Dương (bờ tây của Biển Đông), Bắc Trung Bộ nằm trên tuyến giao thương đường biển bắc - nam và mở rộng là tuyến giao thương giữa phương Đông với phương Tây. Vị trí này cùng với các yếu tố cửa ngõ phía đông của các quốc gia Đông Nam Á lục địa phía tây nam, Bắc Trung Bộ có vị trí địa chiến lược trong hệ thống giao thương khu vực và quốc tế. Trong điều kiện giao thương chủ yếu diễn ra bằng đường thủy (đường biển, sông, kênh, lạch), nhiều cửa sông, cảng biển, hay những vũng vịnh đã trở thành những bến đỗ tàu thuyền, đầu mối của các tuyến giao thương nội vùng và ngoại vi. Sự kết hợp của các yếu tố tự nhiên, yếu tố nội sinh và ngoại sinh làm hình thành nên nhiều thương cảng. Từ bắc xuống nam tiểu vùng Bắc Trung Bộ có các thương cảng và cụm thương cảng gồm: Lạch Trường, Hội Triều, Cửa Bạng - Biện Sơn ở Thanh Hóa; Cửa Cờn ở Nghệ An; Hội Thống - Đền Huyện và Phù Thạch - Triều Khẩu ở hạ lưu sông Lam, ranh giới Nghệ An và Hà Tĩnh; Cửa Sót; Kỳ Hoa (Hải Khẩu) ở Hà Tĩnh.

2. Nhu cầu trao đổi hàng hóa giữa các khu vực dẫn đến sự hiện diện của nhiều nhóm thương nhân quốc tế. Họ đến từ các không gian và khoảng cách khác nhau: Từ các quốc gia Đông Bắc Á như Trung Quốc, Nhật Bản; các quốc gia phía tây nam như Champa, Chân Lạp, Ai Lao; và từ các quốc gia phương Tây. Hoạt động giao thương của thương nhân quốc tế diễn ra tại các thương cảng ven biển, thậm chí theo các cửa sông, cửa biển đã thâm nhập vào nội vùng Bắc Trung Bộ để tiến hành trao đổi buôn bán. Các nhóm thương nhân ngoại quốc đến đây trong những thời điểm khác nhau, có mối quan hệ chặt chẽ với tình hình giao thương khu vực và quốc tế. Họ đến đây vì nhiều nguyên nhân, mục đích khác nhau, có thể là điểm dừng chân tạm thời trên các tuyến buôn bán đường dài, hay buôn bán, trao đổi hàng hóa với cư dân trong vùng. Giai đoạn thế kỷ XI-XV, nhiều thuyền buôn từ các tỉnh phía Nam Trung Quốc như Quảng Châu (Canton), Phúc Kiến (Fukien), Hải Nam (Hainan)... đã trực tiếp đến buôn bán với các thương cảng Bắc Trung Bộ. Ở đây thương nhân Chân Lạp có thể gặp thương nhân Trung Quốc từ ngoài khơi vào qua các cửa biển, hoặc tiến hành trao đổi trực tiếp nguồn hàng khai thác từ tự nhiên. Thế kỷ XVII-XIX, hình thành nên các khu cư trú người ngoại quốc. Không chỉ có thương nhân người Hoa, người Nhật đến từ khu vực Đông Bắc Á, thương nhân phương Tây cũng có mặt ở bến Rum. Đến giữa thế kỷ XIX, trước sự suy giảm của tình hình thương mại quốc tế, cùng với nhiều yếu tố nội sinh khác, hoạt động giao thương của thương nhân quốc tế tại nhiều thương cảng Bắc Trung Bộ rất mờ nhạt, điều này tác động trực tiếp mạnh mẽ đến quy mô, ảnh hưởng của các thương cảng, nhiều thương cảng suy thoái, chỉ còn mang tính chất nội địa, thậm chí tính chất của thương cảng cũng trở nên mờ nhạt như Lạch Bạng, Triều Khẩu, Phù Thạch) . Lúc này dường như chỉ còn Hội Thống là thương cảng duy trì hoạt động giao thương khu vực ở mức độ nhất định.

3.Hoạt động giao thương khu vực và quốc tế tại các thương cảng Bắc Trung Bộ đóng vai trò kép, nhưng tính chất trung chuyển trung gian rất nổi bật. Do không gắn với thị trường tiêu thụ hay trung tâm sản xuất lớn, lại nằm trên tuyến giao thương đường biển, hoạt động giao thương của thương nhân ngoại quốc diễn ra tương đối tự do. Điều đó cũng xuất phát từ các nguyên nhân chủ quan và khách quan khác nhau như ý thức kiểm soát, khả năng kiểm soát của chính quyền trung trung ương. Ở các thương cảng Bắc Trung Bộ, quan hệ giữa thương nhân ngoại quốc với chính quyền sở tại nhìn chung tốt đẹp, diễn ra thuận lợi, nhưng mặt khác, quan hệ giữa các thương nhân ngoại quốc, đặc biệt là thương nhân phương Tây và người Hoa có những phức tạp do sự cạnh tranh găy gắt.

4. Hoạt động của thương nhân quốc tế đã tác động đến sự phát triển của các thương cảng ven biển Bắc Trung Bộ. Trong một số trường hợp, đây là yếu tố hàng đầu quyết định đến sự ra đời, lớn mạnh của các thương cảng này. Các nhóm thương nhân quốc tế đã đem thêm sức sống cho các thương cảng này. Yếu tố quốc tế tạo thúc đẩy quy mô và tạo ra tính chất trung chuyển trung gian nổi bật của các thương cảng này, như trường hợp của Lạch Bạng - Biện Sơn, Triều Khẩu, Phù Thạch. Trong số những thương nhân ngoại quốc thì người Hoa luôn giữ vai trò quan trọng qua các thời kỳ. Họ có mặt khá thường xuyên ở nhiều địa điểm khác nhau, thậm chí một bộ phận đã ở lại nơi này sinh cơ lập nghiệp, hình thành nên cộng đồng người Hoa, tiêu biểu là làng Minh Hương ở Phù Thạch. Cộng đồng người Hoa ở Bắc Trung Bộ không quá lớn nhưng đã đóng vai trò quan trọng trong đời sống kinh tế, văn hóa của tiểu vùng. Nhật thương đến đây trong bối cảnh quốc gia này đẩy mạnh quan hệ thương mại với các quốc gia Đông Nam Á vào cuối thế kỷ XVI, những thập nhiên đầu thế kỷ XVII. Người Nhật có vai trò quan trọng trong đối với hoạt động giao thương ở hạ lưu sông Lam. Người phương Tây có vai trò trên các tuyến giao thương đường dài xuyên đại dương và cận duyên đi qua tiểu vùng Bắc Trung Bộ và kết nối Nhật Bản - Đàng Ngoài. Về mặt thời gian, mối quan hệ với các quốc gia này không giống nhau: Quan hệ với các quốc gia phía tây nam chỉ thực sự nổi bật ở giai đoạn thế kỷ XI-XV; quan hệ với Trung Quốc diễn ra ở mọi thời kỳ; quan hệ với Nhật Bản chủ yếu diễn ra ở cuối thế kỷ XVI, đầu XVII; quan hệ với phương Tây thế kỷ XVI-XVIII. Hoạt động giao thương quốc tế đã thúc đẩy sự liên kết giữa các thương cảng Bắc Trung Bộ với nhau, đồng thời liên kết các thương cảng này với khu vực và quốc tế.

5. Quan hệ thương mại khu vực và quốc tế tại các thương cảng ven biển Bắc Trung Bộ với khu vực và quốc tế rất đa dạng, theo các chiều hướng, đi liền với các nguồn hàng hóa. Các thương cảng Bắc Trung Bộ là địa điểm trung chuyển trao đổi nhiều loại sản phẩm hàng hóa, có tính chất trung truyền khu vực và quốc tế rõ nét. Hàng hóa quốc tế được thương nhân ngoại quốc nhập khẩu vào các thương cảng này để từ đó ngược dòng lên các địa điểm lần lượt bên trong đất liền. Có thể nói, gốm sứ trở thành mặt hàng giao thương quan trọng giữa Bắc Trung Bộ với các khu vực khác. Thứ hai, nhưng không kém phần quan trọng đó là nguồn lâm thổ sản. Trong dòng chảy kinh tế ven sông gắn kết thượng - hạ du, nội địa - hải ngoại này, các thương cảng là trọng tâm, thiết yếu được gia tăng sức mạnh bởi cả nguồn lực nội tại và viễn dương: sử dụng hàng ngoại nhập để (tiềm lực ngoại thương) để lôi kéo các cộng đồng cư dân miền núi và đồng bằng, đồng thời tập hợp hóa vật bản địa để thu hút khách thương từ biển. Gốm sứ được tìm thấy ở nhiều địa điểm khác thuộc lưu vực hệ thống sông Lam, chứng minh cho sự hiện diện của các thương thuyền tại đây từ rất sớm. Kết quả nghiên cứu của các nhà sử học Việt Nam qua những cuộc khảo sát lưu vực sông Lam cho biết đây là khu vực tập có khả năng tập trung thường xuyên của các thuyền buôn.

Sản phẩm trao đổi giữa Bắc Trung Bộ với các quốc gia khu vực và quốc tế vừa có những sản phẩm chung, đồng thời có những sản phẩm riêng, đặc trưng của mỗi quốc gia hay vùng miển. Trao đổi với các nước quốc gia phía tây nam chủ yếu là nhập nguồn lâm thổ sản và đổi lại là các sản phẩm đặc trưng muối của miền ven biển Bắc Trung Bộ; trao đổi với Trung Quốc là xuất khẩu lâm thổ sản và nhập về hàng tiêu dùng; trao đổi với Nhật Bản là nhập vũ khí, tiền tệ và xuất khẩu tơ lụa; trao đổi với phương tây nhập hàng vải vóc và vũ khí. Đối với hàng xuất khẩu, ngoài lâm thổ sản, chắc chắc rằng các thương cảng ven biển Bắc Trung Bộ cũng là đầu mối xuất khẩu gốm nội địa ra các nước Đông Nam Á, giai đoạn thế kỷ XIV-XVII. Sức hút của các thương cảng Nam Trung Quốc đã khiến cho các thương cảng trong vùng Bắc Trung Bộ trở thành những thương cảng phụ, với tính chất trung chuyển trung gian nổi bật. Một số địa điểm ven biển Bắc Trung Bộ có vai trò, vị trí kiểm soát tuyến hải thương bắc - nam cũng như tuyến giao thương đông - tây trong khu vực Biển Đông.

Như vậy, thế kỷ XI - XIX, hoạt động thương mại khu vực và quốc tế đã diễn ra ở nhiều thương cảng ven biển Bắc Trung Bộ, Bắc Trung Bộ là điểm đến của thương nhân, tàu thuyền ngoại quốc, đồng thời là cánh cửa mở ra khu vực và thế giới. Hoạt động giao thương quốc tế đã đưa khu vực Bắc Trung Bộ hội nhập vào dòng chảy chung của hệ thống kinh tế quốc gia, mạng lưới thương mại khu vực và quốc tế. Các thương cảng Bắc Trung Bộ là thành phần cốt lõi trong cấu trúc kinh tế của vùng, tạo nên đặc điểm kinh tế văn hóa của vùng, điểm giao lưu chính với bên ngoài. Thương mại đã kết nối các vùng đất, con người chặt chẽ hơn.